

Bản án số: 16/2018/HS-PT

Ngày 24 - 5 -2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Minh Khánh;

Ông Ma Hồng Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Đan Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 80/2017/TLPT-HS ngày 20 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo Lý Xuân T, Âu Thị N do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 121/2017/HSST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lý Xuân T, sinh ngày 30/5/1988 tại Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn KL 1, xã ĐC, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Cao Lan; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn H, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; có vợ Tiêu Thị B, sinh năm 1987 và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/7/2016 đến ngày 27/10/2016, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (*có mặt*).

2. Âu Thị N, sinh ngày 05/9/1975 tại Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn KL 1, xã ĐC, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn) 01/12; dân tộc: Cao Lan; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Âu Văn K, sinh năm

1953 và bà Mế Thị K, sinh năm 1960; có chồng Lý Văn H, sinh năm 1974 và 03 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

* *Nguyên đơn dân sự*: Ủy ban nhân dân xã ĐC, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân V sinh năm 1971; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (có mặt).

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Trần Thị H, sinh năm 1991 (có mặt)
2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 (vắng mặt);
3. Anh Lý Văn H, sinh năm 1967 (vắng mặt);
4. Anh Lý Văn B, sinh năm 1996 (vắng mặt);
5. Anh Lý Văn V, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Thôn KL 1, xã ĐC, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.

6. Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1963 (có mặt);

Nơi cư trú: Thôn KL 2, xã ĐC, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.

* *Những người làm chứng*:

1. Chị Cháng Thị N, sinh năm 1970 (có mặt);
2. Anh Giàng A D (vắng mặt);
3. Anh Lò A T, sinh năm 1986 (có mặt);
4. Anh Cháng A T (T), sinh năm 1985 (có mặt);
5. Ông Giàng A X (X) (vắng mặt);
6. Ông Giàng A C, sinh năm 1963 (có mặt);
7. Chị Cháng Thị T (vắng mặt);
8. Chị Lò Thị N (vắng mặt);
9. Anh Lò A T, sinh năm 1984 (có mặt);
10. Anh Giàng A Q (vắng mặt);
11. Anh Giàng A L (vắng mặt);
12. Anh Lò A C, sinh năm 1982 (có mặt);

Cùng nơi cư trú: Thôn CT, xã NKH, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

13. Anh Cháng A Đ, sinh năm 1984 (có mặt);
14. Chị Tráng Thị T, sinh năm 1975 (có mặt);
15. Chị Giàng Thị K, sinh năm 1989 (có mặt);
16. Anh Lò A M, sinh năm 1980 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Thôn ĐK, xã MB, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

Những người tham gia tố tụng khác:

1. Ông Nguyễn Thành H - Điều tra viên, Công an thành phố TQ (có mặt).
2. Ông Phạm Mạnh C - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TQ (có mặt).

3. Ông Phạm Văn S - Kiểm lâm viên, Hạt kiểm lâm thành phố TQ (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có 02 bị cáo (Trần Thị H, Trần Văn Đ) nhưng không có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2015, tại khu vực rừng phòng hộ thuộc đồi TT, thuộc lô 2, khoảnh 590, tờ bản đồ số 1770 tại thôn KL 1, xã ĐC, thành phố TQ (đối tượng là rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân xã ĐC quản lý); các đối tượng: Lý Xuân T, Trần Thị H, Âu Thị N, Trần Văn Đ đã có hành vi hủy hoại rừng, cụ thể như sau:

*** Hành vi của Lý Xuân T:**

- Lần 1: Khoảng tháng 10/2015, Lý Xuân T thuê Cháng Thị N, Cháng A T(T), Giàng A L, Lò A T, Lò Thị N, Lò A T và Cháng A Đ, Lò A M, Cháng Thị T, Giàng Thị K dùng dao chặt phá diện tích 3,5 ha rừng (bằng **35.000 m²**); lâm sản bị thiệt hại gồm: 25.200 cây giang và 17.500 cây nửa tép. Sau đó, T trả tiền công cho các đối tượng trên số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

- Lần 2: Cũng trong khoảng thời gian tháng 10/2015, T thuê Cháng Thị N, Giàng A C, Cháng Thị Đ, Giàng A X và Lò A M dùng dao chặt phá diện tích 0,2 ha rừng (bằng **2.000 m²**); lâm sản bị thiệt hại gồm: 1.440 cây giang và 1.000 cây nửa tép. Sau đó, T trả tiền công cho các đối tượng trên số tiền 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Đến khoảng đầu năm 2016, T đốt diện tích rừng đã chặt phá trên, mục đích để trồng cây keo. Sau đó, T mua keo giống và thuê Cháng Thị Nh, Cháng Thị T, Giàng A L, Lò Thị N lên khu vực rừng trên để trồng keo và trả tiền công cho các đối tượng trên với số tiền khoảng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Như vậy, tổng diện tích rừng phòng hộ Lý Xuân T đã hủy hoại là 3,7 ha (bằng **37.000 m²**); lâm sản thiệt hại gồm: 26.640 cây giang, trị giá 77.256.000 đồng và 18.500 cây nửa tép, trị giá 9.250.000 đồng. Tổng cộng là **86.506.000 đồng** (tám mươi sáu triệu năm trăm linh sáu nghìn đồng)

*** Hành vi của Âu Thị N:**

Thời gian khoảng tháng 11 năm 2015, N đã thuê các đối tượng Cháng Thị N, Lò A T, Cháng A T, Lò A M và Giàng A D dùng dao chặt phá diện tích 1,6 ha rừng (bằng **16.000 m²**); lâm sản bị thiệt hại gồm: 11.520 cây giang, trị giá 33.408.000 đồng và 8.000 cây nửa tép, trị giá 4.000.000 đồng. Tổng cộng là

37.408.000 đồng (*ba mươi bảy triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng*). Sau đó, N trả tiền công cho các đối tượng trên số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Sau khi thuê phát rừng, Âu Thị N đã mua 1.500 cây keo giống và 3kg hạt giống bồ đề, một mình lên khu vực rừng đã thuê chặt phá trên để trồng và gieo hạt cây.

*** Hành vi của Trần Văn Đ:**

Thời gian khoảng tháng 11/2015, Đ đã thuê Cháng Thị N, Giàng A X, Lò A M và Giàng A Q, Cháng A T dùng dao chặt phá diện tích 0,9 ha rừng (bằng **9.000 m²**); lâm sản bị thiệt hại gồm: 6.480 cây giang, trị giá 18.792.000 đồng và 4.500 cây nửa tép, trị giá 2.250.000 đồng. Tổng cộng là **21.042.000** đồng (*Hai một triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng*). Sau đó, Đ trả tiền công cho các đối tượng trên số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).

Sau khi thuê phát rừng, Trần Văn Đ đã mua 5.000 cây keo giống và 3kg hạt giống tự một mình lên khu vực rừng đã thuê chặt phá trên để trồng, gieo hạt keo.

*** Hành vi của Trần Thị H:**

Thời gian khoảng tháng 11/2015, Hương thuê Cháng Thị N, Giàng A L, Lò Thị N, Lò A M, Lò A C dùng dao chặt phá diện tích 0,8 ha rừng (bằng **8.000 m²**); lâm sản bị thiệt hại gồm: 5.760 cây giang, trị giá 16.704.000 đồng và 4000 cây nửa tép, trị giá 2.000.000 đồng. Tổng cộng là **18.704.000** đồng (*mười tám triệu bảy trăm linh tư nghìn đồng*). Sau đó, H trả tiền công cho các đối tượng trên số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Sau khi thuê phát rừng, Trần Thị H đã mua 1.000 cây keo giống và tự một mình lên khu vực rừng đã thuê chặt phá trên để trồng keo.

* Trong vụ án này còn có đối tượng **Nguyễn Thị H** cũng có hành vi hủy hoại rừng phòng hộ cụ thể như sau:

Thời gian khoảng tháng 11/2015, Nguyễn Thị H có hành vi thuê các đối tượng dùng dao chặt phá diện tích 0,26 ha rừng (bằng **2.600 m²**) thuộc lô 5, khoảnh 597 tờ bản đồ số 1770 tại thôn KL 1, xã ĐC, thành phố TQ (đối tượng là rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân xã ĐC quản lý); Do diện tích rừng của H phá hoại thấp hơn mức tối đa quy định về xử phạt vi phạm hành chính nên Cơ quan điều tra đã tách hành vi của H chuyển hồ sơ đến Hạt Kiểm lâm thành phố TQ để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 121/2017/HSST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

* Tuyên bố: Các bị cáo Lý Xuân T, Âu Thị N phạm tội “Hủy hoại rừng”

1 - Áp dụng: Khoản 3, 4 Điều 189; điểm b, đoạn 1 điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 47 - Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo **Lý Xuân T 06** (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào trại thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian tạm giam từ ngày 15/7/2016 đến ngày 27/10/2016.

Phạt tiền: 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*) sung quỹ nhà nước

2 - Áp dụng: Khoản 3, 4 Điều 189; điểm b, đoạn 1 điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 47 - Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo **Âu Thị N 04** (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào trại Thi hành án.

Phạt tiền: 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*) sung quỹ nhà nước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với 02 bị cáo khác từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 21/9/2017, các bị cáo Lý Xuân T, Âu Thị N kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và tuyên các bị cáo vô tội.

Ngày 25/12/2017, bị cáo Âu Thị N có đơn xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 24/10/2017 bị cáo Lý Xuân T có đơn kháng cáo bổ sung với các nội dung sau:

+ Về tố tụng: Phiên tòa sơ thẩm xét xử không đúng thời gian quy định; ra quyết định hoãn phiên tòa không có căn cứ; sự có mặt của báo chí tại phiên tòa không đúng quy định của pháp luật; xác định sai tư cách tố tụng của bà Cháng Thị N; tiến hành xác minh hiện trường không có mặt bà Âu Thị N.

+ Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Hủy hoại rừng phòng hộ là không đúng; tính giá trị lâm sản bị thiệt hại không hợp lý; kết quả giám định chữ viết, chữ ký của bà Âu Thị N không khách quan. Vì những lý do trên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm Hủy bản án sơ thẩm của TAND thành phố TQ và tuyên bị cáo vô tội.

Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã tiến hành mở phiên tòa nhiều lần nhưng phải hoãn vì lý do: vắng luật sư, bị cáo xin hoãn và vắng mặt những người tham gia tố tụng khác...

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 09/02/2018 các bị cáo trình bày:

+ Bị cáo Lý Xuân T thừa nhận: Trong khoảng thời gian tháng 10,11/2015 bị cáo có thuê nhóm bà Cháng Thị N trú tại thôn CT, xã NK, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang phát rừng phòng hộ mục đích để trồng cây keo, phát triển kinh tế gia đình, tổng diện tích thuê phát được khoảng hơn 3,5ha và trả cho nhóm bà N 18.000.000đ tiền công; sau khi phát đến đầu năm 2016 bị cáo lên đốt toàn bộ diện tích rừng đã phát tại khu vực đồi TT thuộc lô 2, khoảnh 590 bản đồ phân ba loại rừng theo Quyết định số 1770/QĐ-CT ngày 31/12/2012 của UBND tỉnh Tuyên Quang (trong đó có cả phần diện tích của bị cáo Âu Thị N) rồi mua keo giống thuê người trồng

phủ kín trên diện tích đã phát. Cũng tại phiên tòa ngày 09/02/2018 bị cáo cung cấp cho HĐXX tài liệu do bị cáo tự thuê Hợp tác xã dịch vụ sản xuất nông nghiệp Đông Hưng đo đạc lại toàn bộ diện tích đất rừng bị cáo đã Hủy hoại có tổng diện tích là hơn 3,1ha. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, xin từ chối luật sư Nguyễn Văn H; các nội dung kháng cáo khác bị cáo xin rút không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để xem xét tại chỗ vì trong diện tích rừng thuê phát trước đó đã có rừng cũ của gia đình tự khai phá, nay phát lại để trồng.

+ Bị cáo Âu Thị N thừa nhận: Thấy bị cáo T thuê nhóm bà N phát rừng phòng hộ mục đích để trồng cây keo nên bị cáo cũng thuê phát chứ không có chủ định phát rừng từ trước, sau khi thuê phát rừng thì bị cáo trả tiền công cho bà N 5.000.000đ, đến đầu năm 2016 bị cáo T đốt thực bì cháy sang cả diện tích đất của nhà bị cáo đã thuê chứ bị cáo cũng không đốt, rồi bị cáo mua cây keo giống lên đồi tự trồng hết diện tích đã thuê phát. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, không oan, bị cáo xin từ chối luật sư Nguyễn Văn H và rút nội dung kháng cáo về tuyên hủy bản án sơ thẩm. Bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tại chỗ đối với diện tích rừng bị cáo thuê phát để có căn cứ xem xét về hành vi của bị cáo.

Ngày 06/3/2018 Hội đồng xét xử phúc thẩm mời các thành phần: Lãnh đạo UBND và cán bộ địa chính xã ĐC, Kiểm lâm viên thành phố TQ phụ trách địa bàn; Kiểm sát viên, Điều tra viên cấp sơ thẩm cùng các bị cáo (T, N) để tiến hành xem xét tại chỗ trên toàn bộ diện tích đất do bị cáo T và bị cáo N đã thuê phát và trồng cây tại lô 2 khoảnh 590 bản đồ phân 3 loại rừng theo Quyết định 1770/QĐ-CT ngày 30/12/2012 của UBND tỉnh Tuyên Quang thuộc thôn KL, xã ĐC, thành phố TQ. Qua xem xét tại chỗ Hội đồng xét xử thấy: Diện tích rừng phòng hộ các bị cáo thuê phát thuộc lô 2 khoảnh 590 bản đồ phân 3 loại rừng theo quyết định 1770/QĐ-CT ngày 30/12/2012 của UBND tỉnh Tuyên Quang thuộc thôn KL, xã ĐC, thành phố TQ, rừng phòng hộ các bị cáo hủy hoại hiện tại đã trồng cây keo phủ kín đất, cây có chiều cao vút ngọn trung bình khoảng 05 mét đến 07 mét, đường kính gốc trung bình khoảng 07cm, cây đã mọc thành rừng; liên kề diện tích đất rừng do các bị cáo hủy hoại cũng có rừng trồng cây keo của các hộ gia đình khác nhưng không xác định được ai là người đã phát và trồng cây.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo T tiếp tục rút các nội dung kháng cáo khác, chỉ giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Bị cáo thừa nhận trong khoảng tháng 10,11/2015 được thuê nhóm bà Cháng Thị N phát rừng gang, nửa tếp tái sinh tự nhiên, sau đó bị cáo đốt để trồng cây keo vì mục đích phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên, trong phần diện tích bị cáo thuê phát để trồng cây thì có một phần diện tích đất trước đó gia đình bị cáo đã làm từ trước, mặt khác bên cạnh diện tích đất bị cáo đã thuê phát và trồng cây thì còn rất nhiều hộ gia đình khác cũng phát và trồng cây keo nhưng không bị xử lý, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để

đảm bảo sự công bằng cho bị cáo, đồng thời giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo. Bị cáo Âu Thị N tiếp tục thành khẩn nhận tội và nhận thấy hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Những người làm chứng: Cháng Thị N, Lò A T, Giàng A C, Cháng A T, Lò A T, Lò A C, Cháng A Đ, Cháng Thị T, Giàng Thị K, Lò A M đều thừa nhận có được phát rừng cho bị cáo T, N và được trả tiền công, nhưng không biết đó là rừng phòng hộ, chỉ biết là T và N thuê phát thì đi phát để lấy tiền công trang trải cuộc sống gia đình.

Nguyên đơn dân sự: Ông Trần Xuân V trình bày: Diện tích rừng phòng hộ tại Lô 2 khoảnh 590 - thôn KL 1, xã ĐC thuộc quyền quản lý của UBND xã ĐC, thành phố TQ mục đích để bảo vệ chống xói lở đầu nguồn, cung cấp nước cho hồ thủy lợi KL để tưới tiêu và phục vụ nguồn nước cho khu công nghiệp trên địa bàn thành phố. Tuy nhiên, diện tích rừng phòng hộ được giao rộng, xa trung tâm xã, lực lượng con người được phân công quản lý hạn chế dẫn đến bị các đối tượng hủy hoại, xâm lấn để trồng cây. Ngoài các bị cáo đã bị truy tố và xét xử trong vụ án này, còn diện tích lớn rừng phòng hộ bị các hộ dân đã phát để trồng cây nhưng chưa xác định được đối tượng. Đối với diện tích rừng các bị cáo T, N đã hủy hoại nhưng đã trồng cây keo phủ kín trên diện tích đã phát ông không yêu cầu các bị cáo bồi thường về dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử giao toàn bộ diện tích cây keo do các bị cáo đã trồng trên phần đất rừng phòng hộ đã hủy hoại cho UBND xã ĐC tiếp tục quản lý theo thẩm quyền, còn về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo ở mức thấp nhất.

Điều tra viên công an thành phố TQ: Ông Nguyễn Thành H trình bày, diện tích rừng phòng hộ tại Lô 2, khoảnh 590 bản đồ phân 3 loại rừng thuộc thôn KL xã ĐC, thành phố TQ do các bị cáo T, N hủy hoại, sau đó đốt để trồng cây đã được Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố TQ phối hợp cùng cơ quan chuyên môn đo và xác định diện tích có sự chỉ dẫn đo của các bị cáo, người phát rừng và sự tham gia của Kiểm sát viên, Kiểm lâm viên và sự chứng kiến của các cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương xã ĐC là hoàn toàn khách quan, chính xác. Trong quá trình điều tra và sau khi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố TQ ban hành kết luận điều tra tổng đạt cho các bị cáo đều không có ý kiến khiếu nại gì, do vậy việc xác định diện tích rừng bị hủy hoại và số cây thiệt hại như Kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố TQ là đúng pháp luật.

Kiểm lâm viên Hạt kiểm lâm thành phố TQ, ông Phạm Văn S trình bày: Về diện tích rừng phòng hộ tại thôn KL, xã ĐC, thành phố TQ đã được phê duyệt tại Quyết định số 1770/QĐ-CT ngày 30/12/2012 của UBND tỉnh Tuyên Quang và bản đồ phân 3 loại rừng đã được cắm mốc ranh giới xác định diện tích rừng phòng hộ theo đúng quy định. Đối với diện tích rừng phòng hộ do các bị cáo hủy hoại tại Lô 2,

khoảng 590 thuộc thôn KL, xã ĐC nằm trọn vẹn trong diện tích được quy hoạch là rừng phòng hộ, không giáp ranh với diện tích đất rừng sản xuất.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố TQ, ông Phạm Mạnh C trình bày: Quá trình kiểm sát điều tra, khám nghiệm hiện trường, xác định diện tích rừng do các bị cáo hủy hoại đảm bảo khách quan, đúng pháp luật. Sau khi ban hành cáo trạng truy tố các bị cáo đều không có ý kiến khiếu nại gì về kết quả điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, đúng pháp luật; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đúng tổ tụng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lý Xuân T, Âu Thị N về tội “Hủy hoại rừng” là đúng người, đúng tội, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo, không oan. Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo để xử phạt Lý Xuân T 06 năm tù; xử phạt Âu Thị N 04 năm tù là có căn cứ.

Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm các bị cáo Lý Xuân T và Âu Thị N đã tự nguyện rút một phần kháng cáo, chỉ đề nghị xem xét tại chỗ đối với diện tích rừng các bị cáo đã trồng cây để giảm hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo T đã nộp 3.000.000đ tiền phạt và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo N nộp 2.000.000đ tiền phạt và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo được nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo có đơn xin giảm hình phạt và hưởng án treo có xác nhận của chính quyền địa phương, đây là các tình tiết giảm nhẹ mới cần xem xét cho các bị cáo.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 342, điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đình chỉ một phần kháng cáo đã rút của các bị cáo Lý Xuân T, Âu Thị N; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lý Xuân T, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo Âu Thị N, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 121/2017/HSST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố TQ như sau: Áp dụng khoản 3,4 Điều 189; Điều 33; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; áp dụng thêm Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Âu Thị N; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Xử phạt bị cáo Lý Xuân T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; xử phạt bị cáo Âu Thị N 03 năm tù cho hưởng án treo, thử thách 05 năm. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Ghi nhận các bị cáo đã nộp một phần khoản tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lý Xuân T thừa nhận trong khoảng thời gian từ tháng 10,11/2015 được thuê nhóm bà Cháng Thị N phát rừng phòng hộ tại Lô 2 khoảnh 590 - thôn KL 1, xã ĐC, thành phố TQ để trồng cây keo mục đích phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên, trong phần diện tích bị cáo thuê phát để trồng cây thì có một phần diện tích đất khoảng 2ha trước đó gia đình bị cáo đã làm từ trước nhưng không có giấy tờ gì chứng minh, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trừ cho bị cáo diện tích này để đảm bảo sự công bằng cho bị cáo, đồng thời cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo tiếp tục xin rút các nội dung kháng cáo và từ chối luật sư Nguyễn Văn H như đã đề nghị tại phiên tòa ngày 09/02/2018.

Bị cáo Âu Thị N thừa nhận: Bị cáo không có ý định thuê phát rừng từ trước mà chỉ đến khi thấy bị cáo T thuê nhóm bà N phát thì bị cáo cũng thuê bà N phát rừng mục đích để trồng cây keo phát triển kinh tế gia đình, nay bị cáo nhận thức được hành vi hủy hoại rừng phòng hộ là vi phạm pháp luật, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội trở thành con người tốt có ích cho xã hội. Các nội dung kháng cáo khác bị cáo xin rút và từ chối luật sư Nguyễn Văn H.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Từ tháng 10 đến tháng 11/2015 các bị cáo Lý Xuân T và Âu Thị N đã có hành vi hủy hoại rừng phòng hộ (thuê người chặt phá rừng giang, nửa tái sinh tự nhiên) tại Lô 2, khoảnh 590, bản đồ phân ba loại rừng theo Quyết định số 1770/QĐ-CT ngày 30/12/2012 của UBND tỉnh Tuyên Quang thuộc thôn KL 1, xã ĐC, thành phố TQ do Ủy ban nhân dân xã ĐC quản lý, cụ thể:

- Tháng 10/2015, Lý Xuân T đã có hành vi hủy hoại 3,7 ha (bằng 37.000m²) rừng phòng hộ; thiệt hại 26.640 cây giang và 18.500 cây nửa tép. Tổng thiệt hại trị giá là 86.506.000 đồng;

- Tháng 11/2015, Âu Thị N đã có hành vi hủy hoại 1,6 ha (bằng 16.000 m²) rừng phòng hộ; thiệt hại 11.520 cây giang và 8.000 cây nửa tép. Tổng thiệt hại trị giá là 37.408.000 đồng;

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến việc quản lý và bảo vệ rừng, làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý chung của xã hội, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, làm thay đổi tính chất rừng phòng hộ. Tòa án nhân dân thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, xử phạt bị cáo Lý Xuân T 06 (sáu) năm tù, bị cáo Âu Thị N 04 (bốn) năm tù là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Lý Xuân T, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo cho rằng trong diện tích rừng bị cáo hủy hoại có một phần diện tích khoảng 2ha đất trước đó gia đình bị cáo đã khai phá để trồng cây nhưng bị cáo không có tài liệu nào chứng minh diện tích đất đó được nhà nước giao đất, hay có hợp đồng trồng rừng với công ty Lâm nghiệp cho nên không có căn cứ xem xét cho bị cáo. Vì vậy,

toàn bộ diện tích rừng phòng hộ các bị cáo hủy hoại (trong đó bị cáo T hủy hoại 3,7 ha; bị cáo N 1,6 ha) nằm trong toàn bộ diện tích rừng tại Lô 2 khoảnh 590 đã được Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang phê duyệt là rừng phòng hộ từ năm 2012 theo bản đồ phân 3 loại rừng tại Quyết định số 1770/QĐ - CT ngày 31/12/2012, diện tích rừng các bị cáo hủy hoại không liên kề với rừng sản xuất. Việc quy hoạch diện tích rừng phòng hộ này mục đích nhằm đảm bảo chống xói mòn, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu, bảo vệ nguồn nước để cung cấp cho hồ thủy lợi KL phục vụ tưới tiêu nông nghiệp và cung cấp nguồn nước cho khu công nghiệp trong địa bàn thành phố TQ. Ý thức trồng rừng để phát triển kinh tế của các bị cáo là đáng khích lệ nhưng hủy hoại rừng phòng hộ bảo vệ nguồn nước và chống xói lở đầu nguồn để trồng cây keo khi chưa được sự đồng ý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hành vi vi phạm pháp luật nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi đã gây ra. Diện tích rừng do các bị cáo thuê phát, sau đó đốt để trồng cây đã được cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Tuyên Quang cùng cơ quan chuyên môn tiến hành đo vẽ, khám nghiệm hiện trường, có sự dẫn đo và chứng kiến của các bị cáo là hoàn toàn khách quan, đúng quy định của pháp luật, có căn cứ truy tố các bị cáo về tội Hủy hoại rừng như cấp sơ thẩm đã xét xử là đúng, không oan sai.

Về tài liệu đo lại diện tích rừng phòng hộ đã hủy hoại do bị cáo T (bị cáo T đã thuê phát để trồng cây) cung cấp cho Tòa án có tổng diện tích hơn 3,1ha được thực hiện sau khi bị cáo đã trồng cây keo được hơn 01 năm tuổi, hiện tại cây phát triển xanh tốt đã phủ kín rừng, việc đo vẽ không được thực hiện theo thủ tục do pháp luật quy định, không có cơ quan có thẩm quyền nào chứng kiến, do đó Hội đồng xét xử xét thấy tài liệu đó không có giá trị chứng minh.

[5] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã được cấp sơ thẩm xem xét, tại cấp phúc thẩm, các bị cáo Lý Xuân T và Âu Thị N đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, các bị cáo xuất trình tình tiết mới đó là đã nộp một phần tiền phạt và án phí (bị cáo T nộp 3.000.000đ tiền phạt và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo N nộp 2.000.000đ tiền phạt và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm), các bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo có xác nhận của chính quyền địa phương, được nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, riêng đối với bị cáo N áp dụng thêm tình tiết là người dân tộc thiểu số có trình độ văn hóa thấp (lớp 1/12) nên nhận thức còn hạn chế. Đây là các tình tiết mới tại phiên tòa cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Trong vụ án này, Hội đồng xét xử thấy rằng nguyên nhân dẫn đến việc các bị cáo phạm tội có một phần thiếu sót của chính quyền địa phương xã ĐC và Kiểm lâm được giao phụ trách địa bàn, vì các bị cáo có hành vi Hủy hoại rừng phòng hộ trong một thời gian dài, sau đó đốt và trồng cây (từ tháng 10/2015 đến tháng 3/2016) mới được phát hiện là thực hiện chưa đúng chức năng quản lý Nhà nước

về bảo vệ rừng, không kịp thời nắm bắt diễn biến tình hình để bảo vệ rừng có hiệu quả, thiếu sự giám sát trong quản lý và bảo vệ rừng phòng hộ, ngoài diện tích rừng phòng hộ các bị cáo đã bị truy tố và xét xử trong vụ án này còn 130.400 m² (13,4 ha) rừng phòng hộ tại khoảnh 590 thuộc thôn KL, xã ĐC đã bị hủy hoại và hiện nay đã được người dân trồng cây nhưng chưa làm rõ được đối tượng chặt phá để đảm bảo công bằng cho các bị cáo.

Xét nhân thân, tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Tuy diện tích rừng phòng hộ các bị cáo hủy hoại tương đối lớn nhưng mục đích phát rừng để trồng rừng và hiện nay cây trồng đã xanh tốt phủ kín thành rừng, do đó tính chất nguy hiểm và mục đích chống xói mòn, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường đã được khắc phục, vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, riêng đối với bị cáo Âu Thị N mặc dù diện tích thuê phát là 1,6 ha nhưng không có chủ định từ trước, chỉ khi thấy người khác phát thì bị cáo cũng thuê phát nên vai trò của bị cáo chỉ là thứ yếu, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, vì vậy cần xem xét giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để răn đe, giáo dục phòng ngừa tội phạm, thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[7] Đối với diện tích cây keo các bị cáo trong vụ án này đã trồng trên diện tích rừng phòng hộ, thuộc Lô 2 khoảnh 590 bản đồ phân 3 loại rừng thuộc thôn KL 1, xã ĐC theo Quyết định số 1770/QĐ - CT ngày 31/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang tiếp tục giao cho UBND xã ĐC, thành phố TQ là chủ rừng có trách nhiệm quản lý, bảo vệ theo thẩm quyền.

[8] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với các yêu cầu kháng cáo các bị cáo đã tự nguyện rút cần đình chỉ xét xử phúc thẩm; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm số 121/2017/HSST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố TQ theo hướng giảm một phần hình phạt cho bị cáo Lý Xuân T; giảm hình phạt tù và cho bị cáo Âu Thị N được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[9] Ghi nhận bị cáo Lý Xuân T đã nộp 3.000.000đ tiền phạt và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm tại biên lai số 0000428 ngày 12/3/2018; bị cáo Âu Thị N đã nộp 2.000.000đ tiền phạt và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm tại biên lai số 0000429 ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TQ.

[10] Các bị cáo Lý Xuân T, Âu Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[11] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của các bị cáo Lý Xuân T, Âu Thị N do các bị cáo đã tự nguyện rút kháng cáo.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Lý Xuân T, Âu Thị N, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 121/2017/HSST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt như sau:

Áp dụng: Khoản 3, 4 Điều 189; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Lý Xuân T** 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội Hủy hoại rừng, được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 15/7/2016 đến ngày 27/10/2016. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Ghi nhận bị cáo Lý Xuân T đã nộp 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền phạt và 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm tại biên lai số 0000428 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TQ.

Áp dụng: Khoản 3, 4 Điều 189; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 47; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Âu Thị N** 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo về tội Hủy hoại rừng, thời gian thử thách 05 (năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (24/5/2018).

Giao bị cáo Âu Thị N cho UBND xã ĐC, thành phố TQ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Ghi nhận bị cáo Âu Thị N đã nộp 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền phạt và 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm tại biên lai số 0000429 ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TQ.

Các bị cáo Lý Xuân T, Âu Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

UBND xã ĐC, thành phố TQ là chủ rừng tiếp tục có trách nhiệm quản lý, bảo vệ diện tích cây keo do các bị cáo trong vụ án này đã trồng trên diện tích rừng phòng hộ thuộc Lô 2 khoảnh 590, bản đồ phân 3 loại rừng thuộc thôn KL 1, xã ĐC, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.

Kiến nghị UBND thành phố TQ và Hạt Kiểm Lâm thành phố TQ tăng cường thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về bảo vệ rừng phòng hộ theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (24/5/2018)./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND TP Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang;
- CQCSĐT Công an TP Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP Tuyên Quang;
- Các bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thanh Sơn

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện Sơn Dương;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Công an huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Hà Văn Chương

